

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 30 tháng 9 năm 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Sơn  
Ông Lâm Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Hồ Thanh P; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

*Bị đơn:* Bùi Thị Ánh T; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thanh P trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là chị Bùi Thị Ánh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 01 con chung là Hồ Thị H sinh năm 1995. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp, nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, hai người đã không còn sống chung 12 năm nay. Nay anh P yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị T; về con chung đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Bùi Thị Ánh T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia phiên họp công khai chứng cứ.

**Ý kiến của Viện Kiểm sát:** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Tại phiên tòa, anh P là nguyên đơn và chị T là bị đơn đều vắng mặt, nhưng anh P đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, giữa anh Hồ Thanh P với chị Bùi Thị Ánh T thuộc trường hợp nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên về nguyên tắc không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân này là không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn; chỉ xem xét giải quyết các tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung nếu có, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Theo quy định này và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh P và chị T có 01 người con chung nay đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 51, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Thanh P và chị Bùi Thị Ánh T.

- *Về con chung:* Cháu Hồ Thị H đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**2.** Về án phí: Anh Hồ Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003825 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**